

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2022/DS-ST

Ngày: 22/8/2022

“V/v Tranh chấp Hợp đồng góp  
hụi”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Kiên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Ly;

2. Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đinh Bá Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Phước Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 160/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hợp đồng góp hụi”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 379/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 355/2022/QĐST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Th (2 Rẫy), sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ 18, ấp TQ, xã TM, huyện CM, tỉnh An Giang; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1965; địa chỉ: ấp TQ, xã TM, huyện CM, tỉnh An Giang; vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966; địa chỉ: ấp TQ, xã TM, huyện CM, tỉnh An Giang; vắng mặt (do có ý kiến đề nghị vắng mặt tại văn bản ghi nhận lời khai ngày 02/6/2022).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Văn Th trình bày, ông có tham gia 02 dây dây hụi 500.000đồng, mỗi dây tham gia 02 chân hụi, khởi khai ngày 16/7/2019 âm lịch, với 25 hụi viên, ông đã châu được 22 lần hụi sống với tổng số tiền đã châu là 15.000.000đồng (tiền hụi gốc), còn phần lãi ông không nhớ chính xác.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Th đã xác định yêu cầu bà Đ ông T phải liên đới Th toán là 15.000.000đồng, rút lại một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền là 7.000.000đồng. Quá trình vỡ hụi từ ngày 28/3/2021 âm lịch bà Đ có Th toán cho ông được 1.000.000đồng, nên ông còn yêu cầu bà Đ, ông T liên đới Th toán số tiền là 14.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ tại biên bản ghi nhận lời khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án trình bày,* ông Nguyễn Văn Th (2 Rẫy) có chơi là 01 dây hụi 500.000đồng, chơi 02 chân hụi, có 25 hụi viên, đã châu cho ông được 22 lần hụi sống, khởi khai ngày 16/7/2019a1, đã châu cho bà tổng số tiền là 15.000.000đồng, ông Th (2 Rẫy) cho rằng đã châu 22.000.000đồng là không chính xác, đây là việc ông Th (2 Rẫy) tính cả lời, đến ngày 28/3/2021 bà bẻ hụi, các hụi này đến nay chưa mảng, bà Đ thống nhất còn chưa Th toán cho ông Th số tiền là 14.000.000đồng.

Ông và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng, đôi với tất cả các hụi do các hụi viên đang khởi kiện tại Tòa khi chơi hụi ông T biết, có T ông những lần nhận tiền hụi, ông và ông T có đăng ký kết hôn, số tiền hụi chơi có dùng vào phục vụ mục đích chung của gia đình.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, nên không ghi nhận được ý kiến tại các phiên hòa giải.* Tuy nhiên, tại biên bản ghi nhận lời khai, do cán bộ Tòa án thực hiện ghi nhận ý kiến của ông T; ông T đã trình bày: ông và bà Nguyễn Thị Đ là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật từ năm 1983 đến nay, ông có nhận và biết được Tòa án mời làm việc do các nguyên đơn với tư cách là hụi viên khởi kiện vợ ông bà Đ là chủ hụi, do sau khi thực hiện khai hụi không thực hiện trả tiền hụi cho các hụi viên; ông có biết bà Đ là chủ hụi nhưng không biết việc ai là hụi viên, cũng như bà Đ khi thu tiền hụi, trả tiền hụi cho ai ông hoàn toàn không nắm được, cũng như không thực hiện thu hụi của các hụi viên thay bà Đ. Bà Đ khi thu tiền hụi, có tiền lời bao nhiêu ông không biết, bà Đ là vợ ông, là chủ hụi từ khoảng hơn 10 năm nay, việc bà Đ bẻ hụi ông biết, do bà Đ có báo cho ông, ông không đồng ý liên đới với bà Đ do ông không biết các hụi viên, không thu hụi, không biết bà Đ dùng tiền hụi vào mục đích gì; ngoài ra bà Đ còn bị rất nhiều người giựt hụi, ông phải T phụ bà Đ trả thay, ông biết việc đưa ông tham gia tố tụng, nhưng đề nghị vắng mặt tại các phiên hòa giải, đối chất, lấy lời khai và tại phiên tòa.

Tại phiên tòa:

- Ông Nguyễn Văn Th trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không có tài liệu, chứng cứ khác giao nộp cho Tòa án chứng minh cho ý kiến, yêu cầu của mình.

- Bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa, nhưng lời trình bày phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án.

- Ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, nên không ghi nhận được ý kiến.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn bà Nguyễn Thị Đ đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: căn cứ ông Th khởi kiện là các dây hui ngày 16/7/2019 âm lịch, ông Th tham gia 02 chân hui, đồng thời bà Đ cũng thừa nhận còn nợ ông Th số tiền 14.000.000đồng, nên ông Th khởi kiện là có căn cứ. Đối với việc bà Đ xin trả dần hàng tháng, do ông Th không đồng ý nên không có cơ sở xem xét, chấp nhận. Quá trình giải quyết vụ án, ông Th rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 7.000.000đồng, nên có căn cứ đình chỉ yêu cầu này.

Đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn T liên đới trả số tiền 14.000.000đồng. Thấy rằng, trong thời gian bà Đ làm chủ hui, bà Đ và ông T thừa nhận là vợ chồng, chung sống cùng nhau. Mặc khác, bà Đ thừa nhận, việc bà chơi hui nhằm mục đích tạo thu nhập để phục vụ cuộc sống, sinh hoạt cho gia đình, ông T biết việc bà làm chủ hui và đôi khi ông T có thay bà Đ nhận tiền hui của hui viên đến đóng hui. Vì vậy, có căn cứ xác định rằng, đây là số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân theo Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ để chấp nhận. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th đối với bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn T. Buộc bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn T trả cho ông Nguyễn Văn Th số tiền 14.000.000đồng. Đình chỉ xét xử đối với số tiền 7.000.000đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 18, 23 Nghị định 19 ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hui, họ, biểu, phường, xem xét, quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

Ông Nguyễn Văn Th khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ Th toán tiền hui, bà Đ là người bị kiện đang cư trú tại địa bàn huyện Chợ Mới, giữa các bên công nhận có chơi hui, nên Hội đồng xét xử thống nhất quan hệ tranh chấp để giải quyết vụ án là “tranh chấp về Hợp đồng góp hui” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Ông Nguyễn Văn Th, tham gia các dây hui, do bà Đ làm chủ hui, tại đơn khởi kiện, cũng như tại biên bản hòa giải, biên bản ghi nhận lời khai, ông Th và bà Đ đều thống nhất về dây hui, ngày khởi khai hui, số lần châu hui, số tiền đã

chầu hui, số tiền lời; thống nhất về số tiền tại các lần chầu hui, tổng số tiền hui sống tại đây hui ngày 16/7/2019 âm lịch do ông Th đã tham gia 02 chầu hui đến nay bà Đ, ông T phải Th toán số tiền là 14.000.000đồng, nên sự thống nhất này của các đương sự là sự kiện không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, giữa ông Th và bà Đ có quan hệ chơi hui, theo đó bà Đ là chủ hui, các đương sự đã đối chiếu thống nhất số tiền hui, các dây hui nên có cơ sở xác định đến nay số tiền hui do bà Đ làm chủ, còn thiếu của ông Th với số tiền là 15.000.000đồng, bà Đ đã trả được 1.000.000đồng, còn nợ lại số tiền là 14.000.000đồng, nên Hội đồng xét xử thống nhất, việc ông Th yêu cầu khởi kiện là có căn cứ, lời trình bày của ông Th phù hợp với lời trình bày của bà Đ, cũng như số tiền, số lần khởi khai hui các đương sự đều thống nhất; theo đơn yêu cầu khởi kiện của ông Th, yêu cầu bà Đ và ông T phải có nghĩa vụ liên đới Th toán tiền nợ hui, thì thấy: việc ông T cho rằng, ông không có trách nhiệm liên đới với bà Đ, vì không biết bà Đ dùng tiền vào việc gì, nhưng ông lại biết việc bà Đ là chủ hui hơn 10 năm nay, ông T cũng biết việc bà Đ vỡ hui, cũng phụ bà Đ trong việc trả tiền hui đối với người chơi hui (Biên bản lấy lời khai ngày 02/6/2022 đối với ông T), bà Đ cũng khẳng định việc làm chủ hui, tiền lời hui bà dùng chung vào mục đích sinh hoạt gia đình. Do đó, có cơ sở xác định ông T hoàn toàn biết việc bà Đ là chủ hui, biết việc bà Đ là người T nhận tiền từ các hui viên, nên ông cho rằng không có trách nhiệm liên đới là không có căn cứ, cả ông T và bà Đ đều thừa nhận là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, bà Đ và ông T cùng sống chung nhà, bà Đ có dùng tiền chơi hui vào mục đích chung trong sinh hoạt gia đình theo như lời trình bày của bà Đ, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th về việc buộc bà Đ, ông T phải có trách nhiệm liên đới theo quy định tại Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình và thực hiện nghĩa vụ của hui viên, người tham gia hui theo quy định tại Nghị định số 19/2021/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

Do đó, bà Đ, ông T phải có trách nhiệm liên đới Th toán cho ông Th số tiền hui đến nay chưa Th toán là: 15.000.000đồng, do bà Đ đã trả được 1.000.000đồng, nên số tiền bà Đ, ông T còn phải liên đới Th toán là 14.000.000đồng.

[2.2] Tại đơn khởi kiện, ông Th yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Đ, ông T phải Th toán số tiền là 22.000.000đồng, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa ông rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền là 7.000.000đồng, việc ông Th rút một phần yêu cầu khởi kiện hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, nên Hội đồng xét xử thống nhất đình chỉ yêu cầu khởi kiện theo quy định tại các Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự với số tiền 7.000.000đồng.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th được chấp nhận, hơn nữa ông Th có đơn xin miễn giảm án phí, có xác nhận của địa phương là người cao tuổi, nên thuộc trường hợp miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, do vậy ông không phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí tương ứng với số tiền 14.000.000đồng, nhưng do bà Đ, ông Nguyễn Văn T phải liên đới Th toán nợ, nên cả bà Đ, ông T phải liên đới chịu án phí theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo đúng quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ các Điều 357, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;*

*Căn cứ Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 244, 271, 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;*

*Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

*Căn cứ các Điều 18, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2020 về hui, họ, điều, phurong của Chính phủ.*

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Th (2 Rẫy) đối với bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn T;

- Buộc bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn T phải liên đới trả ông Nguyễn Văn Th số tiền 14.000.000đồng (*mười bốn triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với số tiền 7.000.000đồng (*bảy triệu đồng*).

3. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn Th được miễn án phí theo quy định pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 350.000đồng (*ba trăm năm mươi nghìn đồng*), bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ nộp án phí tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo:

- Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Văn Th có mặt, có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

- Riêng bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Các đương sự (để thi hành) (3);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Trung Kiên**